

# BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA NGƯỜI LÀM CHỨNG TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG<sup>1)</sup>

**Tóm tắt:** Người làm chứng là một trong số chủ thể quan trọng của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự. Bài viết nghiên cứu quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về bảo đảm quyền của người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; làm rõ các quy định về bảo đảm quyền của người làm chứng trong tố tụng hình sự và đề xuất hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tốt quyền của người làm chứng, góp phần giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đầy đủ.

**Từ khóa:** Người làm chứng; quyền của người làm chứng; tố tụng hình sự. Bộ luật tố tụng hình sự.

**Abstract:** Witness is one of the important agents in criminal procedure. The paper examined provisions of the 2015 Criminal Procedure Code on ensuring witness' rights in resolving criminal cases. Solutions were proposed to further enhance witness' rights in criminal cases, towards maintaining objectivity, comprehension and completion of judgment.

**Key word:** Witnesses; rights of witness; criminal procedures; Criminal Procedure Code.

Ngày nhận bài: 10/4/2020; Ngày sửa bài: 05/5/2020; Ngày duyệt đăng bài: 02/6/2020.

Tố tụng hình sự là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước đặc thù, liên quan và tác động trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân. Người làm chứng được xác định là một trong những người tham gia tố tụng hình sự có vai trò quan trọng trong giải quyết vụ án hình sự. Sự tham gia của họ là một trong những phương thức giúp cơ quan tiến hành tố tụng xác định nhanh chóng, chính xác người phạm tội, đảm bảo công tác phòng ngừa và chống tội phạm được hiệu quả, hạn chế được tình trạng bỏ lọt tội phạm và hạn chế được tình trạng oan, sai trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 lần đầu tiên ghi nhận chế định bảo vệ người làm chứng, bị hại tại Chương XXXIV thuộc Phần thứ bảy về thủ tục đặc biệt. Bài viết

sẽ tập trung phân tích các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) về bảo vệ quyền của người làm chứng. Từ đó, đánh giá thực tiễn áp dụng quy định của BLTTHS năm 2015 về bảo đảm quyền của người làm chứng và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về bảo đảm quyền người làm chứng trong BLTTHS.

## 1. Khái niệm người làm chứng và bảo đảm quyền của người làm chứng trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Trong lịch sử lập pháp Việt Nam việc quy định về chủ thể tham gia tố tụng là người làm chứng có từ rất sớm. Nhưng vấn đề bảo đảm quyền cho họ thì lại không

<sup>1)</sup> Th.S., Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội;  
Email: nguyenthuphuong10789@gmail.com.

được quy định đầy đủ và sớm như vậy, phải đến khi có BLTTHS 2003 và đặc biệt là BLTTHS 2015 thì vấn đề quyền của người làm chứng mới được quy định cụ thể, rõ ràng không chỉ bảo vệ quyền của chính người làm chứng mà còn bảo vệ những người thân thích của họ nữa. Vậy các quyền tố tụng của người làm chứng được bảo đảm như thế nào trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Để làm rõ vấn đề này, trước hết cần làm sáng tỏ khái niệm “người làm chứng”, “quyền của người làm chứng”, “bảo đảm”, “bảo đảm quyền của người làm chứng”.

Ngay từ Bộ luật Hồng Đức, điều 714 quy định: *Những người làm chứng trong việc kiện tụng nếu xét ra ngày thường dôi bên kiện tụng là người thân tình hay có thù oán thì không cho phép ra làm chứng. Nếu những người ấy giấu giếm ra làm chứng, thì khép vào tội không nói đúng sự thật*<sup>(1)</sup>. Đến thời kỳ Pháp thuộc, trong Bộ luật tố tụng áp dụng tại Bắc Kỳ, tại điều 20 quy định: *Phạm người làm chứng đã liệt danh trong đơn không chế và các người mà quan thẩm phán liệu nghi đến chất vấn trong khi thẩm cứu thì đều phải gọi đến tòa án để chất vấn. Kế thừa những quy định đó, chế định người làm chứng được quy định lần lượt trong các Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, 2003 và đặc biệt trong BLTTHS 2015 tại Điều 66 khái niệm người làm chứng được xác định là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng. Như vậy, người làm chứng là người (cá nhân) biết*

những tình tiết, sự việc liên quan đến vụ án được cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập để lấy lời khai theo quy định của BLTTHS. Bất cứ ai có đủ các đặc trưng trên đều có thể trở thành người làm chứng, trừ trường hợp luật quy định không được làm chứng.

Trên phương diện ngôn ngữ học thì *quyền* được định nghĩa là *điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi*<sup>(2)</sup>; Trên phương diện pháp lý, *quyền của người làm chứng* trong tố tụng hình sự là tất cả những điều mà pháp luật tố tụng hình sự quy định cho người làm chứng, được làm, được đòi hỏi khi tham gia tố tụng hình sự. Trên phương diện ngôn ngữ học thuật ngữ “*bảo đảm*” được hiểu theo nghĩa là một động từ “*làm cho chắc chắn thực hiện được, giữ gìn được hoặc có đầy đủ những gì cần thiết*”<sup>(3)</sup>. Dựa vào định nghĩa các khái niệm “*quyền*”, và “*bảo đảm*” trên phương diện ngôn ngữ học nói trên, có thể đưa ra khái niệm bảo đảm quyền của người làm chứng trong tố tụng hình sự như sau: *Bảo đảm quyền của người làm chứng trong tố tụng hình sự là việc Nhà nước quy định trong BLTTHS những khả năng mà người làm chứng được hưởng, được làm, được yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng đối với mình, những người thân thích của họ khi họ tham gia quan hệ*

<sup>(1)</sup> Viện sử học (1993). *Quốc triều hình luật*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội.

<sup>(2)</sup> Viện ngôn ngữ học (2004). *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, tr. 813.

<sup>(3)</sup> Viện ngôn ngữ học (2004). *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, tr. 40.

*pháp luật tố tụng hình sự nhằm đảm bảo việc tham gia tố tụng của người làm chứng được tự do, an toàn, qua đó góp phần giải quyết vụ án hình sự một cách chính xác, khách quan, công minh và đúng pháp luật.*

## **2. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về bảo đảm quyền người làm chứng**

Lời khai của người làm chứng là một trong những kênh thu thập chứng cứ quan trọng giúp cơ quan tiến hành tố tụng phán đoán, xác định được người thực hiện hành vi phạm tội; những vật chứng của vụ án, âm mưu và hành động chuẩn bị gây án hoặc đang gây án để cơ quan điều tra có biện pháp ngăn chặn, xác định phương hướng điều tra cho phù hợp, từ đó góp phần tìm ra sự thật của vụ án một cách khách quan, chính xác nhất. Quyền của người làm chứng cũng như những người tham gia tố tụng khác tồn tại cùng với quyền được bảo vệ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thực tiễn cho thấy, các vụ án hình sự mà lời khai của người làm chứng có giá trị chứng minh càng lớn thì nguy cơ bị xâm hại đến thể chất, tinh thần và tài sản của họ càng cao. Chính vì vậy, BLTTHS 2015 có những quy định cụ thể, rõ ràng về quyền của người làm chứng, vấn đề bảo đảm quyền cho họ. Việc quy định này thể hiện trách nhiệm, thái độ của Nhà nước với Nhân dân, cụ thể hóa sâu sắc quyền hiến định của con người, nhằm đảm bảo sự an toàn cho họ khi tham gia tố tụng hình sự.

Quyền của người làm chứng trong tố tụng hình sự được bảo đảm như sau:

*Thứ nhất, luật hóa các quyền của người làm chứng trong Bộ luật tố tụng hình sự.*

Các quy định của BLTTHS về quyền của người làm chứng càng cụ thể, rõ ràng bao nhiêu thì việc thực hiện trên thực tế các quyền này càng dễ dàng, thuận lợi và hiệu quả bấy nhiêu. Hiện tại, quyền của người làm chứng được quy định tại khoản 3 Điều 66 và Điều 71, Chương XXXIV của BLTTHS năm 2015. Cụ thể người làm chứng có quyền: Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định; Yêu cầu cơ quan triệu tập bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia làm chứng; Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật.

*Thứ hai, việc quy định quyền của người làm chứng cũng là trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người làm chứng.*

Trong tố tụng hình sự, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng nói chung, quyền và lợi ích hợp pháp của làm chứng nói riêng chỉ có thể được bảo đảm khi gắn liền với trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Pháp luật tố tụng hình sự quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm cho người làm chứng thực hiện tốt,

đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để người làm chứng thực hiện tốt nhất các quyền tố tụng của mình, đồng thời, các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải nghiêm chỉnh thực hiện trách nhiệm của mình, không được thực hiện các hành vi cản trở, xâm phạm, hạn chế người làm chứng thực hiện các quyền tố tụng của họ. Cụ thể:

Tùy vào giai đoạn tố tụng cụ thể, cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải giải thích cho người làm chứng biết họ có những quyền và nghĩa vụ gì trong giai đoạn tố tụng đó, phương thức thực hiện quyền cũng như trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ.

Khi tham gia tố tụng, nếu người làm chứng hoặc người thân thích của người làm chứng bị đe dọa, cưỡng bức thì họ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ theo quy định tại Điều 486, Chương XXXIV quy định về bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại và người tham gia tố tụng khác. Trên cơ sở đề nghị của người được bảo vệ. Cơ quan điều tra phải kiểm tra căn cứ, tính xác thực của đề nghị, yêu cầu bảo vệ, nếu đủ căn cứ thì ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ và lập hồ sơ bảo vệ. Trường hợp xét thấy không cần thiết áp dụng thì phải giải thích rõ cho người đã yêu cầu, đề nghị biết. Thời gian bảo vệ người làm chứng được tính từ khi áp dụng biện pháp bảo vệ cho đến khi có quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ.

Thời gian bảo vệ người làm chứng được tính từ khi có quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ cho đến khi có quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại Điều 489 BLTTHS.

*Thứ ba. quy định việc xử lý vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người làm chứng trong tố tụng hình sự.*

Để bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người làm chứng, hạn chế đến mức thấp nhất dẫn đến dần dần loại trừ sự xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của họ cần phải quy định hệ thống chế tài để xử lý thích đáng hành vi xâm phạm quyền của người làm chứng. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành hầu như chỉ mới đề cập đến vấn đề này trên phương diện nguyên tắc của tố tụng mà chưa triển khai pháp điển hóa nội dung của các nguyên tắc đó trong từng chế định cụ thể của BLTTHS của quá trình giải quyết vụ án<sup>(4)</sup>. Quy định của BLTTHS hiện hành để cập tương đối cụ thể nội dung này bằng các thủ tục tố tụng đặc biệt là: Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự nhằm phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng từ

<sup>(4)</sup> Xem: Các nguyên tắc quy định tại các Điều 8 (tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân), Điều 9 (bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật); Điều 11 (bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, tài sản của cá nhân; danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân); Điều 12 (Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân; Điều 16 (bảo đảm quyền bào chữa... bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự); Điều 17 (trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng)... BLTTHS năm 2015.

phía cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong đó có việc ban hành những quyết định, thực hiện những hành vi xâm phạm quyền lợi của người làm chứng. Tuy nhiên, thực tiễn thì hành vẫn còn nhiều vướng mắc<sup>(6)</sup>: Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng hình sự của người bị buộc tội, người tham gia tố tụng khác trong đó có hành vi lừa dối, đe dọa, mua chuộc, sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người làm chứng tham gia tố tụng hoặc buộc người bị hại khai báo gian dối<sup>(6)</sup>; Bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại và người tham gia tố tụng khác trước những hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại (tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của những người này)<sup>(7)</sup>. Các chế định mới về thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự nói trên giúp ngăn ngừa và xử lý hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người làm chứng từ phía người tiến hành tố tụng, giúp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ không bị xâm phạm, hạn chế, cản trở. Tuy nhiên, phần lớn các quy định này là mới nên đề thi hành trong thực tiễn cần có những văn bản hướng dẫn cụ thể để áp dụng thống nhất và hiệu quả.

Như vậy, so với BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 quy định về chế định người làm chứng có một số điểm tiến bộ, đó là: Tư cách người làm chứng được xác định từ giai đoạn xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, sớm hơn so với BLTTHS năm 2003; Cơ chế, biện pháp bảo vệ người làm chứng được quy định một cách cụ thể, rõ ràng. Đây là bước tiến mới của BLTTHS năm

2015 thể hiện tinh thần cải cách tư pháp, cụ thể hóa yêu cầu của Hiến pháp năm 2013 về bảo đảm quyền con người, quyền công dân; góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

### 3. Đánh giá thực tiễn thực hiện quyền của người làm chứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Các quy định của BLTTHS năm 2015 về quyền của người làm chứng đã có những sửa đổi, bổ sung theo chiều hướng tích cực, cụ thể, tiến bộ, khoa học hơn so với quy định tương ứng của BLTTHS năm 2003, phần nào đã khắc phục được những hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật cũng như thực tiễn thi hành pháp luật. Tuy nhiên, dưới góc độ nghiên cứu lập pháp, chúng tôi nhận thấy quy định về người làm chứng cũng như cơ chế bảo đảm quyền của người làm chứng còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục thì mới có thể bảo đảm tốt quyền và lợi ích hợp pháp của họ, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, Điều 66 BLTTHS quy định người làm chứng có quyền “Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia làm chứng”. Quy định này vô hình chung đã bỏ sót quyền tố cáo của người làm chứng

<sup>(6)</sup> Xem: Chương XXXIII, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

<sup>(6)</sup> Xem: Khoản 6, Điều 466, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

<sup>(7)</sup> Xem: Các Điều 18-9, 496, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng.

*Thứ hai*, về thời hạn thụ lý giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ. Theo quy định của BLTTHS năm 2015, người làm chứng có quyền làm văn bản đề nghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ. Trong trường hợp khẩn cấp, người làm chứng có thể trực tiếp hoặc qua phương tiện thông tin liên lạc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 không quy định về thời hạn xem xét, giải quyết đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ của cơ quan có thẩm quyền; dẫn tới tình trạng tùy nghi áp dụng pháp luật, áp dụng không kịp thời gây thiệt hại đến tài sản, tính mạng, sức khỏe của người làm chứng và người thân thích của họ. Đặc biệt, trong một số trường hợp, khi xét thấy nguy cơ thực tế bị xâm hại có thể xảy ra với người làm chứng, trong quá trình xét xử vụ án, Tòa án đã trao đổi với cơ quan có trách nhiệm bảo vệ về việc áp dụng các hình thức để bảo đảm việc giữ bí mật cho người làm chứng, yêu cầu người bào chữa phải cam kết giữ bí mật về nội dung lời khai, địa chỉ nơi cư trú của người làm chứng bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết đó: không triệu tập người làm chứng tham gia phiên tòa và khi công bố lời khai. Tòa án không nêu nội dung lời khai, các tình tiết của vụ án, ngày, giờ cơ quan điều tra lấy lời khai, số bút lục hồ sơ... nhằm bảo vệ người làm

chứng khỏi sự tra thù của người phạm tội hoặc thân nhân của họ.

*Thứ ba*, về cơ sở vật chất và kinh phí bảo vệ người làm chứng: BLTTHS năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan chưa có quy định cụ thể về cơ sở vật chất và kinh phí bảo vệ người làm chứng dẫn tới tình trạng các Cơ quan tiến hành tố tụng còn lúng túng trong việc ra quyết định áp dụng, bố trí các biện pháp bảo vệ đối với người làm chứng. Theo quy định của BLTTHS năm 2015 và Pháp lệnh về chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng năm 2012, chi phí người làm chứng do cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập bao gồm một hoặc một số chi phí: Chi phí tiền lương, thù lao cho người làm chứng; Chi phí đi lại; Chi phí lưu trú; Các chi phí khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do nhận thức chưa thống nhất nên ở nhiều địa phương hiện nay mới chỉ có Tòa án thanh toán chi phí đi lại, ăn ở cho người làm chứng; Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa thanh toán chi phí cho người làm chứng. Nhiều người làm chứng do không được giải thích đầy đủ các quyền của mình cũng như chưa nhận thức được quyền của mình nên không có yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng thanh toán.

*Thứ tư*, cơ chế kiểm soát việc thực hiện quyền của người làm chứng trong tố tụng hình sự

Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp đã khẳng định: "Tăng cường và nâng cao hiệu lực giám sát việc chấp hành pháp luật của các cơ quan tư pháp đặc biệt là lãnh đạo các cơ quan tư

pháp". Trên cơ sở định hướng này, cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động tố tụng hình sự phải đảm bảo các yêu cầu: (1) Cơ chế kiểm tra, giám sát trong tố tụng hình sự phải đảm bảo việc thực thi quyền lực nhân dân một cách tốt nhất trên cơ sở tinh tột cao và hiệu lực tột cao của Hiến pháp; (2) Bảo đảm tính thống nhất của quyền lực và sự phân công rành mạch giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; (3) Cơ chế kiểm soát quyền lực phải bảo đảm tư pháp độc lập nhằm bảo vệ tự do, bình đẳng và quyền con người. Trên thực tế, cơ chế kiểm soát hoạt động tố tụng hình sự nói chung và bảo đảm quyền người làm chứng có hạn chế sau:

- Cơ chế kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước: BLTTHS năm 2015 quy định các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát đối với hoạt động tố tụng hình sự nhằm phát huy nội lực từ phía các cơ quan Nhà nước thực hiện việc kiểm tra, giám sát lẫn nhau. Tuy nhiên, ngoài nguyên tắc chung quy định tại Điều 33 BLTTHS 2015 chưa có những quy định cụ thể về cơ chế kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động tố tụng hình sự. Do đó, trên thực tế việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động tố tụng hình sự chưa thực sự hiệu quả, thiết thực.

- Cơ chế giám sát việc bảo đảm quyền do chính người làm chứng tham gia tố tụng thực hiện. Tuy nhiên trên thực tế, do nhận thức các quyền của người làm chứng còn nhiều hạn chế nên chức năng giám sát việc thực thi pháp luật của các cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thông qua quyền khiếu nại, kiến nghị của người làm chứng chưa thực sự hiệu quả.

#### **4. Một số đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về quyền của người làm chứng**

Với vai trò quan trọng của người làm chứng trong việc giúp các cơ quan tiến hành tố tụng tìm ra sự thật khách quan của vụ án thì việc kiến nghị hoàn thiện quy định BLTTHS nhằm xây dựng, triển khai các biện pháp hữu hiệu bảo vệ quyền của người làm chứng, tạo sự an toàn trong tâm lý của người làm chứng là hết sức cần thiết. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về quyền của người làm chứng như sau:

*Một là, hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về bảo vệ quyền của người làm chứng:*

- Mở rộng một số quyền của người làm chứng nhằm nâng cao vai trò của người làm chứng và khuyến khích họ hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như: Bổ sung quyền tố cáo khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật; quyền được mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; quyền được xem biên bản tố tụng; quyền được đối đáp khi tham gia tranh luận tại phiên tòa...

- Xác định rõ giới hạn chịu chế tài hình sự đối với hành vi khai báo gian dối của người làm chứng. Mặt khác cần bổ sung chế tài xử phạt hành chính đối với người làm chứng khi họ cố ý vắng mặt không có lý do chính đáng nhằm buộc người làm chứng phải có mặt tại cơ quan tiến hành tố tụng.

- Bổ sung quy định về thời hạn xử lý, giải quyết yêu cầu, đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ của người được bảo vệ nói chung và người làm chứng nói riêng. Trong trường hợp khẩn cấp, nếu người làm chứng trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền để nghị, yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền có thể xác minh ngay và ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ để bảo đảm tính mạng, sức khỏe của họ.

- Quốc hội cần sớm xây dựng phương án về kinh phí triển khai, bảo vệ người làm chứng.

*Hai là, nâng cao năng lực áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng về bảo đảm quyền của người làm chứng*

Hoạt động tư pháp hình sự là hoạt động quyền lực nhà nước đặc thù, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân thì việc quy định rõ quyền hạn, xác định cụ thể trách nhiệm của người tiến hành tố tụng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng nói chung và người làm chứng nói riêng. Để hoàn thiện cơ chế bảo vệ người làm chứng, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay trước hết cần tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần xác định đúng vị trí, vai trò của người làm chứng: chủ động, có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan điều tra trong việc áp dụng các biện pháp bảo vệ người làm chứng và những người thân thích của họ trước nguy cơ bị tấn công, đe dọa. Đồng thời, cần nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực công tác của người tiến hành tố

tụng, tổ chức tốt việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ tố tụng.

*Ba là, nâng cao hiệu quả cơ chế kiểm soát việc thực thi pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng*

Hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cần phải chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của nhiều cơ chế kiểm tra, giám sát khác nhau; đảm bảo cho các cơ quan này thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình để giải quyết các vụ án hình sự được chính xác, khách quan, toàn diện, quyền con người được thực hiện triệt để. Việc tăng cường sự giám sát đối với các cơ quan tiến hành tố tụng có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo vệ những người tham gia tố tụng nói chung và người làm chứng nói riêng.

*Bốn là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật*

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về cơ bản đã phát huy quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền được bảo vệ của người làm chứng. Tuy nhiên, không phải người làm chứng nào cũng nhận thức được quyền này, nhất là những người sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, sợ tiếp xúc với các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền các địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hình sự, tố tụng hình sự về quyền của người làm chứng nhằm tăng cường ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm của các tổ chức, cá nhân.



*Nam là, ban hành Luật bảo vệ nhân chứng*

Nhiều trường hợp người làm chứng từ chối khai báo, từ chối cung cấp thông tin vì lo sợ bản thân và người thân thích bị trả thù, đặc biệt đó là các thông tin liên quan liên quan đến các băng nhóm tội phạm như: ma túy, buôn người, mua bán vũ khí, tham nhũng... Pháp luật nhiều nước trên thế giới đều ban hành Luật bảo vệ nhân chứng, thành lập cơ quan bảo vệ nhân chứng và cấp kinh phí rất lớn cho hoạt động này<sup>11</sup>

Có thể thấy người làm chứng là người không có quyền, lợi ích liên quan đến vụ án nhưng được cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập do họ biết về những tình tiết liên quan đến vụ án. Chế định người làm chứng trong BLTTHS tuy có bước tiến đáng kể khi làm rõ hơn quyền của người làm chứng, bảo đảm quyền của người làm chứng tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, bất cập. Cùng với tiến trình hội nhập quốc tế, cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo vệ, đề cao quyền con người, quyền công dân thì việc hoàn thiện chế định người làm chứng càng có ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong tương lai cần Nhà nước ta cần ban hành Luật bảo vệ người làm chứng phù hợp với yêu cầu và thực tiễn của Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nxb. Lao động, Hà Nội
2. Phan Thị Hương Thủy (2006), Người làm chứng và quyền của người làm chứng trong BLTTHS 2003 - thực

trạng và định hướng hoàn thiện. Tài liệu hội thảo Để tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "Đảm bảo quyền con người trong TTHS Việt Nam". Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, tháng 6/2006.

3. Phạm Mạnh Hùng (2012), "Vấn đề bảo vệ nhân chứng, người tố giác và những người tham gia tố tụng khác", *Tạp chí Kiểm sát số 7/2012*.

4. Viện sử học (1995), *Quốc triều hình luật*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội.

5. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên, 2015), *Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

6. Viện Ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.

<sup>11</sup> Tại Mỹ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp là người xem xét cho nhân chứng và người thân khi gặp nguy hiểm tham gia Chương trình bảo vệ người làm chứng. Người tham gia chương trình bảo vệ nhân chứng được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe và tài sản cùng các phúc lợi xã hội khác.

Tại Liên Bang Nga, đã ban hành Luật bảo vệ nhân chứng năm 2004. Đến năm 2006, Chính phủ Nga đã thông qua chương trình Nhà nước bảo vệ nạn nhân, nhân chứng và những người tham gia tố tụng khác với số tiền lên tới 1 tỷ rúp (tương đương 633 tỷ đồng) trong giai đoạn 2006 đến 2008. Năm 2010, Nga thành lập Cục bảo vệ nhân chứng và quan tòa trực thuộc Bộ Nội vụ liên bang nhằm bảo vệ những người thuộc diện bảo vệ của nhà nước.

Tại Thái Lan, nhân chứng trong các vụ án rửa tiền, buôn bán ma túy, tham nhũng, mọi đám trẻ em hay tội ác có tổ chức được tham gia chương trình bảo vệ trong một năm, nhân chứng và người thân được đưa đến nơi an toàn, trợ cấp hàng tháng, được tạo nghề nếu có nhu cầu; được bồi thường khi họ bị thương hay bị sát hại trong thời gian tham gia chương trình.

Tại Philippines, năm 1991 Bộ Tư pháp đã soạn thảo chương trình trợ cấp sơ sinh và bảo vệ nhân chứng tham gia chương trình, người làm chứng và người thân có thể thay đổi chỗ ở, trợ cấp tiền bạc, nhận toàn quyền và trợ cấp chi phí đi lại.